TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2024/HC-PT
Ngày: 09 - 7 - 2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ

Ông Phạm Việt Hà.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên.

***- Công chức tại điểm cầu thành phần**:* Ông Dương Chí D - Công chức Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử trực tuyến, công khai vụ án hành chính thụ lý số 110/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2024, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6671/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*

1. Ông Hoàng V, sinh năm: 1965; có mặt.

2. Ông Hoàng T, sinh năm: 1972; vắng mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng T: Ông Hoàng V (anh trai). Có mặt.

Ông V và ông T cùng có địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người khởi kiện:

Các luật sư: Hoàng Văn T1, Chu Quỳnh V1, Luật sư Tạ Thị P - Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (Có mặt luật sư: Hoàng Văn T1, Chu Quỳnh V1; vắng mặt luật sư Tạ Thị P). Địa chỉ văn phòng: Tầng A, Tòa CT13B, KĐT C, đường V, quận T, thành phố Hà Nội.

- *Người bị kiện:* UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang và Chủ tịch UBND thành phố B.

+ Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B: Ông Đào Công H - Phó Chủ tịch; *(theo văn bản ủy quyền số 4737/QĐ-UBND, ngày 08/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B).* Có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Thân Đức H1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Hoàng V *và ông* Hoàng T *trình bày:*

Gia đình các ông đang sử dụng tổng diện tích 135,1m² tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 19 tại tổ dân phố (TDP) 2B, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất), quyền sở hữu nhà ở số BP147235 ngày 11/6/2013, có nguồn gốc của bố các ông là cụ Hoàng Văn H2 *(tên gọi khác là cụ Hoàng L, đã chết ngày 29/01/2013).*

Ngày 30/02/1970, Ủy ban hành chính thị xã B đã cấp Giấy chứng nhận quyền tạm sử dụng đất cho cụ H2. Ngày 23/9/1999 UBND tỉnh B đã cấp Giấy CNQSD đất (giấy CNQSD đất) số P226549 cho cụ Hoàng Văn H2 với diện tích 135,1m² có mục đích là đất ở, trong đó có 35,1m² được ghi chú là đất hành lang giao thông.

Đến năm 2013, ông V và ông T được nhận thừa kế quyền sử dụng đất và được UBND thành phố B cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP147235 thì diện tích đất được công nhận 100m² là đất ở, đối với 35,1m² còn lại chỉ được thể hiện trên sơ đồ thửa đất là đất hành lang giao thông vì thuộc quy hoạch.

Ngày 17/5/2023, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 2) và ban hành Quyết định số 424/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N), thành phố B. Theo đó các ông bị thu hồi 25,6m² đất nhưng chỉ được bồi thường phần diện tích đất là 17,3m², đối với diện tích 8,3m² đất còn lại thì không được bồi thường do UBND thành phố B xác định phần đất này là đất hành lang giao thông.

Ngày 17/7/2023, Chủ tịch UBND thành phố B tiếp tục ban hành Quyết định số 2971/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất của các ông. Tại Quyết định này Chủ tịch UBND thành phố B vẫn xác định diện tích đất 8,3m² là đất giao thông.

Do không được bồi thường đối với phần diện tích đất 8,3m^2 mà UBND thành phố B đã cho rằng đó là đất giao thông, các ông đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố B. Ngày 28/7/2023 Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 3076/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung không chấp nhận khiếu nại của các ông. Không đồng tình với các quyết

định hành chính nêu trên do đã xác định sai nguồn gốc đất nên hai ông làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 423/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất (đợt 2);

- Hủy một phần Quyết định số 424/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N), thành phố B;

- Hủy Quyết định số 2971/QĐ-UBND, ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất;

- Hủy Quyết định số 3076/QĐ-UBND, ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng V.

Người bị kiện là UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang do ông Đào Công H - Phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/8/1977, cụ Hoàng L (tức Hoàng Văn H2) bố đẻ của ông Hoàng V và ông Hoàng T đã được Ủy ban hành chính thị xã B cấp giấy CNQSD đất số 33/QLND với diện tích là 100m^2 đất. Sau khi đo đạc bản đồ địa chính năm 1998 thửa đất của hộ cụ Hoàng L (Hoàng Văn H2) thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 19, diện tích thửa đất 135,1m^2.

Ngày 10/01/1998 đại diện hộ cụ Hoàng L có đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất thửa đất trên theo bản đồ đo đạc năm 1998, phần kê khai có đề nghị cấp giấy CNQSD đất với diện tích 100m^2 loại đất thổ cư và 35,1m^2 loại đất hành lang đường.

Ngày 14/10/1998, tại Biên bản họp xét duyệt đơn đăng ký quyền sử dụng đất của Hội đồng đăng ký đất đai phường T họp xét đơn đăng ký cấp giấy CNQSD đất của cụ Hoàng L đã thống nhất các nội dung: Về diện tích: Tổng diện tích sử dụng 135,1m^2; (Diện tích ban đầu: 100m^2; Diện tích thừa: 35,1m^2). Lý do thừa đất: Lấn vỉa hè đường Nguyễn Công H3. Về vấn đề tranh chấp: Không. Về mặt quy hoạch: Phạm quy hoạch vỉa hè 35,1m^2. Ý kiến thống nhất đề xuất giải quyết của Hội đồng đăng ký đất đai. Về xử lý dôi dư: Yêu cầu gia đình cụ H2 tự tháo dỡ tường rào trả lại 35,1m^2 để làm vỉa hè đường N, gia đình đã thực hiện (xong). Về xử phạt vi phạm hành chính: Không. Về vấn đề khác: Đề nghị cấp 100m^2. Ngày 25/9/1999 UBND tỉnh B cấp giấy CNQSD đất cho hộ cụ Hoàng Văn H2 100m^2 đất thổ cư, (T) còn 35,1m^2 là đất hành lang giao thông (HLGT).

Ngày 07/5/2013, các thành viên thuộc hàng thừa kế thứ nhất, thừa kế thế vị của cụ Hoàng Văn H2 lập văn bản phân chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đã được cấp giấy CNQSD đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ 19 nói trên cho ông Hoàng V và ông Hoàng T (đồng chủ sử dụng);

Ngày 30/5/2013, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới hiện trạng thửa đất trong đó có nội dung "Căn cứ hồ sơ cấp giấy năm 1977, hộ cụ H2 đã được cấp 100m^2 trong quá trình sử dụng đã lấn chiếm vỉa hè 35,1m^2, năm 1998 lập hồ sơ xét đề nghị cấp 100m^2, còn

35,1m^2 không cấp. Tuy nhiên trong quá trình đã thể hiện chưa chính xác trên giấy CNQSD đất và sơ đồ cũng không thể hiện đầy đủ kích thước. Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiến hành đo đạc và điều chỉnh lại diện tích kích thước các cạnh theo đúng quy định". Ông Hoàng V và ông Hoàng T đã ký xác nhận trong biên bản.

Ngày 11/6/2013, UBND thành phố B thu hồi giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ cụ Hoàng Văn H2 và cấp lại giấy CNQSD đất cho ông Hoàng V và ông Hoàng T (đồng chủ sử dụng) tại thửa đất số 38, tờ bản đồ 19, số phát hành BP 147235; số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01115 - QĐ số 1902/QĐ-UBND, diện tích 100m^2 đất ở đô thị.

Quan điểm của UBND thành phố B:

- Về nội dung đề nghị bồi thường 8,3m^2 là đất ở: Phần diện tích 8,3m^2 ông Hoàng V đề nghị được bồi thường có nguồn gốc là đất lấn chiếm hành lang đường Nguyễn Công H3 được gia đình kê khai trong đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất ngày 18/01/1998; được Hội đồng đăng ký đất đai phường T xác định tại biên bản họp xét duyệt đơn ngày 29/10/1998; được thể hiện trên giấy CNQSD đất đã được UBND thành phố B cấp ngày 11/6/2013 là đất hành lang giao thông.

- Về nội dung đề nghị giao 01 lô đất tái định cư: Căn cứ điểm 1, khoản 2, Điều 1, Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND, ngày 14/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND, ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B. Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 9, Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND, ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh B ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đất và điều kiện tách thửa, hợp thửa đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Căn cứ bản đồ giải phóng mặt bằng của Dự án, đối chiếu với giấy CNQSD đất của gia đình ông Hoàng V và ông Hoàng T cùng hiện trạng sử dụng đất thì thấy: Sau khi Nhà nước thu hồi đất, phần diện tích đất còn lại của gia đình tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15 là 112,3m^2, trong đó đất ở đô thị được cấp còn lại 82,7m^2 và 29,6m^2 đất hành lang giao thông. Phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi của gia đình hai ông vẫn đủ điều kiện để ở theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh B sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND, ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B thì việc ông Hoàng V đề nghị giao 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở để giải quyết.

Về trình tự thủ tục ban hành các quyết định: UBND thành phố B và Cơ quan, đơn vị liên quan đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và các Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND, ngày 21/5/2019 UBND tỉnh B; Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND, ngày 14/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số

điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND, ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B. Việc UBND thành phố B ban hành các Quyết định gồm: Quyết định số 423/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 về việc thu hồi đất (đợt 2); Quyết định số 424/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N), thành phố B là đúng quy định.

Việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành các Quyết định gồm: Quyết định số 2971/QĐ-UBND, ngày 17/7/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải toả tài sản trên đất đối với ông Hoàng V, ông Hoàng T để thực hiện Quyết định số 423/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của UBND thành phố B; Quyết định số 3076/QĐ-UBND, ngày 28/7/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng V, trú tại: Số F, tổ dân phố B, Phường T, thành phố B là đúng quy định.

Từ những căn cứ trên, UBND thành phố B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng V, Hoàng T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 3, Điều 29; khoản 1, Điều 30; khoản 4, Điều 32; điểm a, khoản 2, Điều 116; điểm a, khoản 2, Điều 193; Điều 204; Điều 205; Điều 206; khoản 1, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; điểm c, khoản 2, khoản 3 Điều 62; điểm a, khoản 2, Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69; Điều 71; khoản 2, Điều 74; Khoản 2, Điều 77; khoản 4, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, Điều 19 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng V và ông Hoàng T về việc đề nghị Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N) thành phố B;

- Hủy một phần Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N) thành phố B;

- Hủy Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất đối với ông Hoàng V, ông Hoàng Tân d thực hiện Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/5/2023;

- Hủy Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng V.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/1/2024 người khởi kiện kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án và hủy bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bầy:* UBND thành phố B không xem xét đến nguồn gốc phần diện tích đất 8,3m^2 mà UBND thành phố B đã thu hồi của ông Hoàng V và ông Hoàng T. Phần đất này có nguồn gốc của cụ H2 được Nhà nước đền bù sau khi cụ H2 bị thu hồi 120m^2 đất ở khu phố H. Theo giấy CNQSD đất mà UBND tỉnh B cấp cho cụ H2 ngày 25/9/1999 thì cụ H2 được cấp 100m^2 đất thổ cư có ký hiệu T, phần diện tích đất còn lại là 35,1m^2 cũng có ký hiệu là T, thời hạn sử dụng lâu dài nhưng lại có chú thích là HLGT. Phần chú thích này là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng V và ông Hoàng T.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Thân Đức H1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B trình bày: Phần diện tích đất 8,3m2 mà UBND thành phố B đã thu hồi là đất hành lang giao thông (HLGT). Yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng V và ông Hoàng T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng V và ông Hoàng T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự tại phiên tòa có quan điểm:

1. Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính;

2. Về nội dung: Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất mà hiện nay đang bị Nhà nước thu hồi một phần, thì thấy:

- Năm 1977 Nhà nước chứng nhận cho cụ L (H) được quyền sử dụng 100m^2 đất ở;

- Năm 1999, Nhà nước công nhận cụ L (H) được quyền sử dụng 100m^2 đất ở, còn 35,1m^2 đất hành lang giao thông;

- Năm 2013, Nhà nước công nhận cho ông V, ông T được quyền sử dụng 100m^2 đất ở, còn 35,1m^2 đất hành lang giao thông.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B khi thu hồi đất để mở rộng đường Trần Đăng T2 (đoạn từ đường T đến đường N), thành phố B chỉ bồi thường cho gia đình ông Hoàng V, ông Hoàng T 17,3m^2 đất ở còn 8,3m^2 đất hành lang giao thông không bồi thường là đúng. Các quyết định cưỡng chế, trả lời khiếu nại của UBND thành phố B đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hoàng V, ông Hoàng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Kháng cáo của ông Hoàng V, Hoàng T có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, hai ông đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thời hiệu khởi kiện, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116; khoản 1, Điều 30 và khoản 4, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; xác định đúng và đủ những người tham gia tố tụng.

[3] Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng V và ông Hoàng T về việc đề nghị Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

- Hủy một phần Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N), thành phố B;

- Hủy một phần Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N), thành phố B;

- Hủy Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất đối với ông Hoàng V, ông Hoàng T để thực hiện Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/5/2023;

- Hủy Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng V.

[4] Xét tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định hành chính do UBND thành phố B ban hành về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 17/5/2023 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 2) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N) thành phố B và Quyết định số 424/QĐ-UBND của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 2) để thực hiện dự án nêu trên trong đó có hộ gia đình ông Hoàng V và ông Hoàng T là đối tượng có quyền lợi bị ảnh hưởng là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất được quy định tại điểm c, khoản 2, khoản 3, Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[4.2] Cả 02 quyết định nêu trên được thực hiện dựa trên Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 UBND tỉnh B; Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi

đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B là đảm bảo tính có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.3] Về nội dung:

- Ngày 01/8/1977, cụ Hoàng L (tức cụ Hoàng Văn H2) là bố đẻ của ông Hoàng V và ông Hoàng T đã được Ủy ban hành chính thị xã B cấp giấy CNQSD đất số 33/QLND với diện tích 100m^2 đất ở. Năm 1998, khi đo đạc bản đồ địa chính, thửa đất của hộ cụ Hoàng L (Hoàng Văn H2) thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 19, diện tích thửa đất 135,1m^2. Ngày 10/01/1998 đại diện hộ cụ Hoàng L có đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất thửa đất trên theo bản đồ đo đạc năm 1998, phần kê khai có đề nghị cấp giấy CNQSD đất với diện tích 100m^2 loại đất thổ cư (T) và 35,1m^2 loại đất hành lang đường. Ngày 14/10/1998, tại Biên bản họp của Hội đồng đăng ký đất đai phường T về việc xét duyệt đơn đăng ký QSDĐ của cụ Hoàng L đã thống nhất các nội dung: "Về diện tích: Tổng diện tích sử dụng 135,1m^2; (Diện tích ban đầu: 100m^2; diện tích thừa: 35,1m^2). Lý do thừa đất: Lấn vỉa hè đường Nguyễn Công H3. Về vấn đề tranh chấp: Không. Về mặt quy hoạch: Phạm quy hoạch vỉa hè 35,1m^2. Ý kiến thống nhất đề xuất giải quyết của Hội đồng đăng ký đất đai. Về xử lý dôi dư: Yêu cầu gia đình cụ H2 tự tháo dỡ tường rào trả lại 35,1m^2 để làm vỉa hè đường N, gia đình đã thực hiện (xong). Về xử phạt vi phạm hành chính: Không. Về vấn đề khác: Đề nghị cấp 100m^2". Từ những cơ sở nêu trên, ngày 25/9/1999 UBND tỉnh B cấp giấy CNQSD đất cho hộ cụ Hoàng Văn H2 100m^2 đất thổ cư, (T) còn 35,1m^2 là đất hành lang giao thông (HLGT).

- Ngày 07/5/2013, các thành viên thuộc hàng thừa kế thứ nhất, thừa kế thế vị của cụ Hoàng Văn H2 đã tiến hành lập văn bản phân chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đã được cấp giấy CNQSD đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ 19 nói trên cho ông Hoàng V và ông Hoàng T (đồng chủ sử dụng); Ngày 30/5/2013, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới hiện trạng thửa đất trong đó có nội dung "Căn cứ hồ sơ cấp giấy năm 1977, hộ cụ H2 đã được cấp 100m^2 trong quá trình sử dụng đã lấn chiếm vỉa hè 35,1m^2, năm 1998 lập hồ sơ xét đề nghị cấp 100m^2, còn 35,1m^2 không cấp. Tuy nhiên trong quá trình đã thể hiện chưa chính xác trên giấy CNQSD đất và sơ đồ cũng không thể hiện đầy đủ kích thước. Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiến hành đo đạc và điều chỉnh lại diện tích kích thước các cạnh theo đúng quy định" có chữ ký xác nhận của ông Hoàng V và ông Hoàng T. Ngày 11/6/2013, UBND thành phố B thu hồi giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ cụ Hoàng Văn H2 và cấp lại giấy CNQSD đất cho ông Hoàng V và ông Hoàng T (đồng chủ sử dụng) tại thửa đất số 38, tờ bản đồ 19, số phát hành BP 147235; số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01115 QĐ, số 1902/QĐ-UBND, diện tích 100m^2 đất ở đô thị.

- Tại các thời điểm được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất cụ Hoàng L (tức cụ Hoàng Văn H2) cũng như ông Hoàng T, ông Hoàng V không có khiếu nại, khiếu kiện đối với phần diện tích, loại đất đã được xác định là đất hành lang giao thông (HLGT). Tại "Tờ tự khai về đất, tài sản có trên đất khi Nhà nước thu hồi

đất" ngày 09/2/2023 (BL 111) ông Hoàng V và ông Hoàng T cũng chỉ khai có 100m^2 đất ở đô thị, có xác nhận của UBND phường T.

- Như vậy, có căn cứ để xác định: Phần diện tích 8,3m^2 ông Hoàng V và ông Hoàng T đề nghị được bồi thường có nguồn gốc là đất lấn chiếm hành lang đường N, đã được gia đình kê khai trong đơn đề nghị cấp giấy CNQSD đất ngày 18/01/1998; đã được Hội đồng đăng ký đất đai phường Trần Nguyên H4 xác định tại biên bản họp xét duyệt đơn ngày 29/10/1998; Nội dung Biên bản xác định ranh giới, mốc giới hiện trạng thửa đất ngày 30/5/2013 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B lập có chữ ký của ông Hoàng V và ông Hoàng T cũng như nội dung trong giấy CNQSD đất đã được UBND thành phố B cấp ngày 11/6/2013 cho ông Hoàng V và ông Hoàng T.

- Do là đất hành lang giao thông nên không đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất. Vì vậy, UBND thành phố B không bồi thường, hỗ trợ với diện tích 8,3m^2 đã thu hồi là chính xác, đúng pháp luật.

[5] Xét Quyết định số 2971/QĐ-UBND, ngày 17/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất đối với ông Hoàng V và ông Hoàng T: Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã nêu trên, UBND phường T phối hợp cùng Trung tâm phát triển Quỹ đất và Cụm C và Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố đã tổ chức mời và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho ông Hoàng V và ông Hoàng T theo các Thông báo: Số 130/TB-UBND ngày 19/5/2023, (lần 1); số 141/TB-TTQĐ ngày 24/5/2023 (lần 2); số 160/TB-TTQD ngày 09/6/2023, (lần cuối) nhưng ông Hoàng V và ông Hoàng T không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng. Ngày 26/5/2023, 02/6/2023 và ngày 03/7/2023 cán bộ của UBND thành phố B đã tuyên truyền, vận động ông Hoàng V và ông Hoàng T thực hiện việc nhận tiền bồi thường tiền về đất bị thu hồi, nhưng ông Hoàng V và ông Hoàng T không đồng ý. Vì vậy, ngày 17/7/2023 Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2971 về việc cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất đối với ông Hoàng V và ông Hoàng T là đúng thẩm quyền, nguyên tắc, điều kiện ban hành theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Về trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[6] Xét Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Hoàng V và ông Hoàng T:

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 17, Điều 19 của Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về tính có căn cứ và tính hợp pháp của Quyết định: Như đã phân tích tại các mục [4], [5], việc chủ tịch UBND thành phố B giải quyết khiếu nại (lần đầu) với nội dung: "Không chấp nhận các nội dung khiếu nại của ông Hoàng V và ông Hoàng T, giữ nguyên và tiếp tục thực hiện các Quyết định của UBND thành phố: số 423/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 2); số 424/QĐ-UBND về việc

phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 2) để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng đường T (đoạn từ đường T đến đường N), thành phố B; Việc ông Hoàng V đề nghị bồi thường 8,3m^2 đất hành lang giao thông là đất ở, bồi thường 100% theo giá cụ thể và đề nghị được giao 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở giải quyết" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Sau khi xét toàn bộ nội dung vụ án, với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện về việc "sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện". Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: : Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng V và ông Hoàng T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1.Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng V và ông Hoàng T.

2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2024/HC-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hoàng V và ông Hoàng T mỗi ông phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm hai ông đã nộp tại Biên lai thu số 0001021 ngày 01/02/2024 và số 0001059 ngày 06/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Ông Hoàng V và ông Hoàng T đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Giang;*
- *UBND tỉnh Bắc Giang.*
- *Lưu: HSVA, VP, HCTP*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh